

Số: 47 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt kế hoạch và dự toán Công trình bảo dưỡng thường
xuyên các tuyến đường tỉnh và đường thủy nội địa năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 7745/TTr-SGTVT ngày 06/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt hồ sơ:

1. Tên Công trình: Bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh và đường thủy nội địa năm 2020.
2. Địa điểm: trên các tuyến đường tỉnh, đường thủy nội địa tỉnh Đồng Nai.
3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Đồng Nai (ủy quyền Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai thực hiện).
4. Đơn vị lập hồ sơ dự toán: Công ty Cổ phần Long Bình Mê Kông.
5. Đơn vị thẩm tra dự toán: Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông Trí Dũng.
6. Nội dung hồ sơ:
 - a) Duyệt tu bảo dưỡng thường xuyên của 25 tuyến đường tỉnh (Chi tiết: 01 - Đường 25B, lý trình Km0 đến Km5+972; 02 - Đường 25B mở rộng, lý trình Km0 đến Km5+972; 03 - Đường 319, lý trình Km0 đến Km5+020; 04 - Đường 322B, lý trình Km0 đến Km2+600; 05 - Đường tỉnh ĐT.760, lý trình Km0 đến Km9+220; 06 - Đường tỉnh ĐT.761, lý trình Km0 đến Km37+266; 07 - Đường tỉnh ĐT.762, lý trình Km0 đến Km20+500; 08 - Đường tỉnh ĐT.763, lý trình Km0 đến Km29+429;

09 - Đường tỉnh ĐT.764, lý trình Km0 đến Km18+860; 10 - Đường tỉnh ĐT.765, lý trình Km0 đến Km28+297,5; 11 - Đường tỉnh ĐT.766, lý trình Km1+023 đến Km12+804,93; 12 - Đường tỉnh ĐT.767, lý trình Km0 đến Km16+753,97 và Km19 đến Km24+930; 13 - Đường tỉnh ĐT.768, lý trình Km21+200 đến Km42+115; 14 - Đường tỉnh ĐT.769, hướng Cát Lái - Quốc Lộ 51 gồm: lý trình Km0 đến Km28+657 và hướng Dầu Giây từ Km0 đến Km33+211,95; 15 - Đường Hương Lộ 10, lý trình Km1+600 đến Km11+827 và Km13+650 đến Km22+444; 16 - Đường Suối Tre - Bình Lộc, lý trình Km0 đến Km11+300; 17 - Đường liên huyện Xuân Lộc - Long Khánh, lý trình Km0 đến Km16+694,95; 18 - Đường 30.4, lý trình Km0 đến Km4+700; 19 - Đường Cao Cang, lý trình Km0 đến Km8+277; 20 - Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn, lý trình Km18+100 đến Km34+150 và Km42+150 đến Km44+550; 21 - Đường Chát Thái Rắn, lý trình Km0 đến Km20+100; 22 - Đường Tà Lài - Trà Cỏ, lý trình Km0 đến Km1+600 và Km7+300 đến Km56+200; 23 - Đường Xuân Định - Lâm San (ĐT.765B), lý trình Km0 đến Km27+000; 24 - Đường Xuân Tâm-Xuân Đông (ĐT.779), lý trình Km0 đến Km11+164; 25 - Đường Bắc Sơn-Long Thành, lý trình Km0 đến Km4+503).

b) Duy tu bảo dưỡng thường xuyên của 13 tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh (chi tiết: 01 - Tuyến Sông Cái dài 7 Km; 02 - Tuyến Sông Bến Gỗ dài 4 Km; 03 - Tuyến Sông Buông dài 15 Km; 04 - Tuyến Sông Đồng Kho dài 7 Km; 05 - Tuyến Rạch Ông Trúc dài 1,6 Km; 06 - Tuyến Tắc Nha Phương dài 1,7 Km; 07 - Tuyến Tắc Ông Trung dài 3,4 Km; 08 - Tuyến Sông Sâu dài 11 Km; 09 - Tuyến Sông Đồng Môn dài 10,4 Km; 10 - Tuyến Sông Gò Gia dài 7,5 Km; 11 - Tuyến Sông Đồng Nai (thượng nguồn) dài 15 Km; 12 - Tuyến Sông La Ngà dài 24 Km; 13 - Tuyến Sông Thị Vải dài 4,5 Km).

7. Quy mô đầu tư, giải pháp kỹ thuật:

Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN, các tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện hành; định mức Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 3409/2014/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ Giao thông vận tải; định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành theo Thông tư số 64/2014/QĐ-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 25/2016/QĐ-BGTVT ngày 3/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/QĐ-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải; định mức dự toán xây dựng công trình - phần sửa chữa kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-BXD ngày 13/6/2009 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình; đơn giá dịch vụ đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 20/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 78/BXD-KTXD ngày 15/11/2019 của Bộ Xây dựng về việc xử lý chuyển tiếp các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

8. Dự toán đề nghị phê duyệt:

Làm tròn:

Trong đó:

69.997.775.832 đồng

69.997.776.000 đồng

- Chi phí xây dựng: 66.799.737.604 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 1.028.200.994 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư: 1.673.145.845 đồng
- Chi phí khác: 496.691.389 đồng

(Bảng phụ lục chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp.

10. Hình thức Quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: năm 2020.

12. Phương thức tổ chức đầu tư: Hình thức đấu thầu.

13. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh và đường thủy nội địa theo quy định.

b) Sau khi có Thông tư hoặc Văn bản hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ, chủ đầu tư phải tổ chức điều chỉnh, trình thẩm định, phê duyệt dự toán điều chỉnh làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn).

12-12

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: **47**/QĐ-UBND ngày **08** tháng **01** năm 20**20**
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (đồng)
1	Chi phí xây dựng	66.799.737.604
	- Phần đường bộ	63.916.527.403
	+ Đường bộ khu vực 1	20.115.664.851
	+ Đường bộ khu vực 2	20.074.699.208
	+ Đường bộ khu vực 3	23.726.163.344
	- Phần đường thủy	2.883.210.201
2	Chi quản lý dự án	1.028.200.994
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.673.145.845
	- Chi phí lập dự toán	91.895.063
	- Chi phí thẩm tra dự toán	67.367.535
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu xây lắp	50.000.000
	- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	50.000.000
	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây lắp	33.399.869
	- Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.347.083.509
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	33.399.869
4	Chi phí khác	496.691.389
	- Chi phí thẩm định dự toán (quản lý nhà nước)	11.841.772
	- Chi phí bảo hiểm	180.359.292
	- Chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán vốn đầu tư	304.490.325
	TỔNG CỘNG (1+2+3+4)	69.997.775.832
	LÀM TRÒN	69.997.776.000

